Văn phòng Hà Nội
Tầng 9, Tòa nhà AC, Ngõ 78, Phố Duy Tân
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84-4) 3 795 8705 Fax: (84-4) 3 795 8677

Văn phòng Hải Phòng
Tầng 7, Tòa nhà Hải Quân
Số 5, Đường Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng
Tel: (84-31) 3 842 430 Fax: (84-31) 3 842 433

www.vaaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2014 ĐẾN NGÀY 30/06/2014

Tháng 08 năm 2014

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ hoạt động và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch
Ông Hoàng Trọng Nguyên	Phó chủ tịch
Ông Lê Xuân Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Cảnh Thắng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên
Ông Nguyễn Bá Lai	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tuế	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Lớ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Trọng Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0500391400 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

Lê Văn Lớ
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Số: 125/2014/BCTC-VA

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12/08/2014, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

M.S.D.N: 0200511555-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VIỆT ANH
Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Trần Quốc Trị
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0581-2013-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Trần Ngọc Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0487-2013-055-1

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		**251.961.426.971**	**216.973.637.403**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**20.781.803.308**	**26.653.822.487**
1. Tiền	111	5.	20.781.803.308	26.653.822.487
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**59.515.503.663**	**56.104.260.129**
1. Phải thu của khách hàng	131		54.863.398.020	51.143.872.040
2. Trả trước cho người bán	132		3.526.258.771	4.672.449.909
5. Các khoản phải thu khác	135	6.	1.837.956.946	490.574.098
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7.	(712.110.074)	(202.635.918)
IV. Hàng tồn kho	**140**	8.	**166.239.234.867**	**128.690.887.788**
1. Hàng tồn kho	141		166.239.234.867	128.690.887.788
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.424.885.133**	**5.524.666.999**
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.205.336.072	402.306.441
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	9.	79.810.457	107.583.358
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	10.	4.139.738.604	5.014.777.200
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	**200**		**62.813.626.660**	**66.003.479.044**
II. Tài sản cố định	**220**		**39.795.462.366**	**41.543.892.005**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11.	39.795.462.366	41.543.892.005
- Nguyên giá	*222*		*169.981.809.800*	*169.534.232.116*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(130.186.347.434)*	*(127.990.340.111)*
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			**20.400.983.166**	**20.614.862.500**
1. Đầu tư vào công ty con	251	12.	19.914.862.500	20.614.862.500
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13.	700.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	14.	(213.879.334)	-
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.617.181.128**	**3.844.724.539**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.	2.376.064.621	3.844.724.539
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16.	241.116.507	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**314.775.053.631**	**282.977.116.447**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu số B 01a - DN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**181.475.165.015**	**146.420.039.972**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**179.596.561.379**	**145.308.139.972**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17.	120.887.346.471	102.094.746.600
2. Phải trả người bán	312		35.575.051.694	32.755.357.155
3. Người mua trả tiền trước	313		10.688.555.065	284.297.237
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18.	2.052.321.055	2.414.751.433
5. Phải trả người lao động	315		4.843.909.215	2.505.266.675
6. Chi phí phải trả	316	19.	281.870.654	298.472.674
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20.	4.682.323.844	4.623.958.721
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		585.183.381	331.289.477
I. Nợ dài hạn	**330**		**1.878.603.636**	**1.111.900.000**
4. Vay và nợ dài hạn	334	21.	1.346.600.000	1.111.900.000
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		532.003.636	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	**400**		**133.299.888.616**	**136.557.076.475**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	22.	**133.299.888.616**	**136.557.076.475**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		62.826.020.000	62.826.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		29.335.312.000	29.335.312.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		23.757.667.106	21.004.838.183
4. Cổ phiếu quỹ	414		(15.130.000)	(15.130.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		89.249.865	89.249.865
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		6.282.602.000	5.711.079.215
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		11.024.167.645	17.605.707.212
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**314.775.053.631**	**282.977.116.447**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại			
USD		26.227,38	46.857,69

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Thành	Hoàng Văn Tuế	Lê Văn Lớ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 02a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	23.	**381.479.900.219**	**346.184.233.498**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23.	1.569.594.533	589.616.184
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	23.	**379.910.305.686**	**345.594.617.314**
4. Giá vốn hàng bán	11	24.	326.785.978.369	296.178.643.169
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**53.124.327.317**	**49.415.974.145**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25.	1.605.295.601	2.092.249.221
7. Chi phí tài chính	22	26.	4.585.679.055	5.084.173.710
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*4.029.731.531*	*5.084.173.710*
8. Chi phí bán hàng	24		20.077.337.051	20.366.720.936
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.947.914.137	14.781.917.061
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	**30**		**13.118.692.675**	**11.275.411.659**
11. Thu nhập khác	31	27.	936.110.992	65.454.546
12. Chi phí khác	32	27.	179.215	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**	27.	**935.931.777**	**65.454.546**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**14.054.624.452**	**11.340.866.205**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28.	3.271.573.314	2.835.216.551
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29.	(241.116.507)	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**11.024.167.645**	**8.505.649.654**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	30.	**1.755**	**1.354**

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Thành	Hoàng Văn Tuế	Lê Văn Lớ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
M.S.D.N: 0500391... C.T.C.P
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mẫu số B 03a - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	*01*		***14.054.624.452***	***11.340.866.205***
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5.379.132.911	7.500.000.000
- Các khoản dự phòng	03		723.353.490	(35.260.058)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		317.782.881	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(722.920.327)	(2.362.791.793)
- Chi phí lãi vay	06		4.029.731.531	5.084.173.710
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***		***23.781.704.938***	***21.526.988.064***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.820.935.824)	12.288.136.921
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(37.548.347.079)	(12.295.919.260)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.633.035.634	32.203.295.528
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.468.659.918	(215.230.106)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.046.333.551)	(5.386.125.137)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.614.075.660)	(3.021.961.528)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(978.505.600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***(9.124.797.224)***	***45.099.184.482***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.630.703.272)	(4.214.717.278)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		280.000.000	72.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(9.743.525.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		442.920.327	2.290.791.793
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(2.907.782.945)***	***(11.595.450.485)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		147.561.708.883	133.416.230.900
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(128.852.191.893)	(142.448.136.950)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12.548.956.000)	(12.548.956.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***6.160.560.990***	***(21.580.862.050)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	**50**		**(5.872.019.179)**	**11.922.871.947**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	**60**		**26.653.822.487**	**21.164.898.808**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	**70**	5.	**20.781.803.308**	**33.087.770.755**

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Thành	Hoàng Văn Tuế	Lê Văn Lớ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
M.S.D.N: 0500481400 - C.T.C.P
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây. Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 030300015 ngày 10/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp. Công ty có 14 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hiện nay, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 ngày 08/05/2014 với Vốn điều lệ là: 62.826.020.000 VND (Sáu mươi hai tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu không trăm hai mươi nghìn đồng chẵn).

Trụ sở: Số 10A, phố Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán: DHT.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế);
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (chi tiết: Nhà thuốc, quầy thuốc, đại lý thuốc của doanh nghiệp);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (chi tiết: Kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế; Mua bán hóa chất và hóa chất xét nghiệm (trừ loại hóa chất Nhà nước cấm); Kinh doanh dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế;
- Giáo dục nghề nghiệp (chi tiết: Dạy nghề; Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp; Giáo dục nghề nghiệp);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Dịch vụ nhà đất; Kinh doanh siêu thị; Dịch vụ nhà ở, văn phòng);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (chi tiết: Xuất nhập khẩu dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng);
- Bán buôn thực phẩm (chi tiết: Thực phẩm chức năng; thực phẩm dinh dưỡng; thực phẩm bổ dưỡng).

Các đơn vị hạch toán báo sổ (hạch toán tập trung tại Công ty):

TT	Tên	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
2	Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An	Số 18 Trần Nhật Duật, phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
3	Chi nhánh Dược phẩm số I	Số 10A, Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội
4	Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì	Thôn Vân Trai, thị trấn Tây Tằng, huyện Ba Vì, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

TT	Tên	Địa chỉ
5	Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín	Số 251 Phố Ga, thị trấn Thường Tín, huyện Thường Tín, Hà Nội
6	Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên	Tiểu khu Mỹ Lâm, thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, Hà Nội
7	Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hoà	Thôn Hoàng Xá, thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hoà, Hà Nội
8	Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây	Số 03 Nguyễn Thái Học, thị xã Sơn Tây, Hà Nội
9	Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất	Đường 84, Xã Kim Quang, Thạch Thất, Hà Nội
10	Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức	Thôn Tế Tiêu, thị trấn Đại Nghĩa, huyện Mỹ Đức, Hà Nội
11	Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai	Thị trấn Kim Bài, huyện Thanh Oai, Hà Nội
12	Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai	Thị trấn Quốc Oai, huyện Quốc Oai, Hà Nội
13	Chi nhánh Đông dược, vật tư y tế	78 Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, Hà Nội
14	Chi nhánh tại Thái Bình	Lô 8/18 khu phố 2, tổ 28, Trần Hưng Đạo, Thái Bình
15	Các phân xưởng sản xuất	Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội
16	Kho thuốc Xuất nhập khẩu	101 phố Nguyễn Viết Xuân, Hà Đông, Hà Nội
17	Quầy thuốc số 37 Chương Mỹ	Xã Thủy Xuân Tiên, Chương Mỹ, Hà Nội
18	Kho nguyên liệu, dược liệu, thành phẩm	Phường La Khê, quận Hà Đông, Hà Nội

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01và kết thúc vào ngày 31/12. Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức sổ kế toán áp dụng: Nhật ký chung, sử dụng phần mềm kế toán VietSun.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính.

Trong kỳ, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các tài sản dưới dạng tiền và công nợ (các khoản mục tiền tệ) bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại ngày 30/06/2014 là 21.300 VND/USD, tại ngày 31/12/2013 là 20.828 VND/USD.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ đồng thời được theo dõi nguyên tệ trên sổ kế toán chi tiết và tài khoản 007 "Ngoại tệ các loại".

4.3 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp giản đơn căn cứ vào giá thành kế hoạch.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.5 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và Quyết định số 1173/QĐ-BTC ngày 21/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc, thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con:

Khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, lệ phí, thuế và phí ngân hàng...

Các khoản thu nhập được chia từ công ty con (cổ tức, lợi nhuận) sau ngày đầu tư được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính của Công ty. Các khoản khác nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia sau ngày đầu tư từ công ty con được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Các khoản thu nhập được chia từ công ty liên kết (cổ tức, lợi nhuận) sau ngày đầu tư được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích. Các khoản khác nhận được ngoài cổ tức và lợi nhuận được chia sau ngày đầu tư từ công ty liên kết được coi là phần thu hồi của khoản đầu tư và được ghi giảm giá gốc khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư lớn hơn phần sở hữu tính trong tài sản thuần theo sổ kế toán của bên nhận đầu tư được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính.

4.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

4.8 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí công cụ dụng xuất dùng và chi phí sửa chữa tài sản cố định:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng thời hạn sử dụng từ trên 12 tháng trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng.

4.9 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản trích trước lãi vay của các hợp đồng vay ngắn hạn và vay dài hạn được ước tính dựa trên số tiền vay, thời hạn và lãi suất thực tế trong kỳ.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ được phản ánh theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và chi phí liên quan đến việc mua lại.

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

4.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, đồng thời thỏa mãn tất cả (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia, chiết khấu thanh toán được hưởng và lãi bán hàng chậm trả … Cụ thể như sau:

- Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.
- Chiết khấu thanh toán và lãi bán hàng chậm trả được ghi nhận theo số tiền thực tế được hưởng.

4.12 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay, chênh lệch tỷ giá, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính... Cụ thể như sau:

- Lãi tiền vay được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên cơ sở số tiền vay và lãi suất vay từng kỳ thực tế.
- Chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo thuyết minh số 4.2.
- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích theo quy định (xem thêm thuyết minh số 4.6).

4.13 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong kỳ và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho kỳ hoạt động là 22%.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó, giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá gốc.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: Những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

4.15 Bên liên quan (tiếp theo)

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây là công ty con; Công ty TNHH Hataphar Miền Nam là công ty liên kết; Trường Trung cấp Kỹ thuật Y - Dược Hà Nội là công ty liên kết của công ty con; các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

5. TIỀN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt	9.318.755.508	11.725.032.240
Tiền gửi ngân hàng	11.463.047.800	14.928.790.247
Cộng	**20.781.803.308**	**26.653.822.487**

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu phí quản lý của các Chi nhánh	961.903.842	-
Chi nhánh Đông dược, vật tư y tế	200.000.000	200.000.000
Viện Nghiên cứu Đầu tư và Tư vấn khoa học công nghệ	306.036.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu	-	113.449.914
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	300.000.000	-
Các đối tượng khác	70.017.104	177.124.184
Cộng	**1.837.956.946**	**490.574.098**

7. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu kỳ	**(202.635.918)**	**(249.004.821)**
Trích lập dự phòng	(509.474.156)	-
Hoàn nhận dự phòng	-	46.368.903
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
Số dư cuối kỳ	**(712.110.074)**	**(202.635.918)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	65.471.275.288	50.798.783.347
Công cụ, dụng cụ trong kho	504.307.778	499.981.355
Hàng hoá, thành phẩm	100.263.651.801	77.392.123.086
Cộng	**166.239.234.867**	**128.690.887.788**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	**166.239.234.867**	**128.690.887.788**

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế xuất nhập khẩu nộp thừa	79.810.457	107.583.358
Cộng	**79.810.457**	**107.583.358**

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng	4.139.738.604	5.014.777.200
Cộng	**4.139.738.604**	**5.014.777.200**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09a - DN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	**73.349.291.468**	**81.591.799.556**	**7.179.091.964**	**7.414.049.128**	**169.534.232.116**
Tăng trong kỳ	**856.797.272**	**2.516.456.000**	**-**	**257.450.000**	**3.630.703.272**
Mua sắm	856.797.272	2.516.456.000	-	257.450.000	3.630.703.272
Giảm trong kỳ	**-**	**3.142.464.788**	**-**	**40.660.800**	**3.183.125.588**
Thanh lý, nhượng bán	-	3.142.464.788	-	40.660.800	3.183.125.588
Tại ngày 30/06/2014	**74.206.088.740**	**80.965.790.768**	**7.179.091.964**	**7.630.838.328**	**169.981.809.800**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	**46.333.449.092**	**71.670.761.494**	**4.463.365.063**	**5.522.764.462**	**127.990.340.111**
Tăng trong kỳ	**3.029.682.403**	**1.597.296.812**	**321.298.794**	**430.854.902**	**5.379.132.911**
Khấu hao trong kỳ	3.029.682.403	1.597.296.812	321.298.794	430.854.902	5.379.132.911
Giảm trong kỳ	**-**	**3.142.464.788**	**-**	**40.660.800**	**3.183.125.588**
Thanh lý, nhượng bán	-	3.142.464.788	-	40.660.800	3.183.125.588
Tại ngày 30/06/2014	**49.363.131.495**	**70.125.593.518**	**4.784.663.857**	**5.912.958.564**	**130.186.347.434**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	**27.015.842.376**	**9.921.038.062**	**2.715.726.901**	**1.891.284.666**	**41.543.892.005**
Tại ngày 30/06/2014	**24.842.957.245**	**10.840.197.250**	**2.394.428.107**	**1.717.879.764**	**39.795.462.366**

Trong đó:

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại 30/06/2014 là 96.543.127.528 VND (tại 31/12/2013: 97.854.038.209 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	19.914.862.500	19.914.862.500
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam (*)	-	700.000.000
Cộng	**19.914.862.500**	**20.614.862.500**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30/06/2014 như sau:

Tên Công ty con	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Vốn điều lệ VND	Số tiền đầu tư VND
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	50,63%	50,63%	41.200.000.000	19.914.862.500
Cộng				**19.914.862.500**

(*)Theo Nghị quyết cuộc họp Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây ngày 18/03/2014 và Quyết định số 171/QĐ.HĐQT-DHT ngày 24/04/2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây đồng ý cho Công ty TNHH Hataphar Miền Nam tăng vốn điều lệ từ 1.000.000.000 VND lên 1.450.000.000 VND. Số tăng vốn góp do thành viên khác góp vào tháng 5/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 2 ngày 12/05/2014, theo đó tỷ lệ vốn góp của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây giảm từ 70% xuống 48,28%.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	700.000.000	-
Cộng	**700.000.000**	**-**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Công ty tại ngày 30/06/2014 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Vốn điều lệ VND	Số tiền đầu tư VND
Công ty liên kết			**1.450.000.000**	**700.000.000**
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	48,28%	48,28%	1.450.000.000	700.000.000
Cộng				**700.000.000**

14. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Năm 2013 VND
Số dư đầu kỳ	-	-
Trích lập dự phòng	(213.879.334)	-
Hoàn nhận dự phòng	-	-
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
Số dư cuối kỳ	**(213.879.334)**	**-**

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.161.995.529	3.559.299.084
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	214.069.092	285.425.455
Cộng	**2.376.064.621**	**3.844.724.539**

16. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho	241.116.507	-
Cộng	**241.116.507**	**-**

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn		
Vay VND	**81.448.745.820**	**102.094.746.600**
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây[1]	35.027.834.457	41.140.598.989
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	-	2.849.716.084
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	-	21.708.212.554
Vay cá nhân[2]	46.420.911.363	36.396.218.973
Vay USD	**39.438.600.651**	**-**
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây[3]	39.438.600.651	-
Cộng	**120.887.346.471**	**102.094.746.600**

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

Chi tiết các hợp đồng vay còn số dư tại 30/06/2014:

(1)Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014 - HĐTDHM/NHCT[320] - [HATAPHAR] ngày 15 tháng 6 năm 2014:
- Hạn mức cho vay: 65.000.000.000 VND;
- Mục đích vay: Mua nguyên nhiên vật liệu, hàng hóa, chi phí nhân công và các chi phí khác phục vụ hoạt động sản xuất thuốc, kinh doanh tân dược, hóa chất dược…;
- Lãi suất: Được ghi trên giấy nhận nợ, được điều chỉnh 1 tháng/lần;
- Thời hạn cho vay: đến ngày 15/06/2015;
- Điều kiện đảm bảo: Toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây tại ngân hàng, các khoản phải thu từ hợp đồng kinh tế mà bên B dùng làm phương án kinh doanh vay vốn tại ngân hàng.

(2)Gồm các hợp đồng vay với từng cá nhân:
Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
Thời hạn vay: 03 tháng;
Lãi suất: 0,7%/tháng.

(3)Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 67/13/HM-DHT/VCBHT ngày 28/6/2013 và các phụ lục gia hạn: Phụ lục số 01 ngày 11/02/2014; Phụ lục số 02 ngày 03/04/2014; Phụ lục số 03 ngày 27/06/2014:
- Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ tương đương;
- Mục đích vay: Mua nguyên vật liệu, thuốc thành phẩm, trả lương nhân công và các chi phí khác để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- Thời hạn vay: đến ngày 28/08/2014;
- Lãi suất: Quy định cụ thể theo từng lần rút vốn theo công bố của Ngân hàng;
- Điều kiện đảm bảo: theo hình thức tín chấp.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.032.870.313	2.375.372.659
Các loại thuế khác	19.450.742	39.378.774
Cộng	**2.052.321.055**	**2.414.751.433**

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Trích trước chi phí lãi vay	281.870.654	298.472.674
Cộng	**281.870.654**	**298.472.674**

20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn	1.276.198.039	1.134.162.999
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.406.125.805	3.489.795.722
Thu hộ tiền nhà cán bộ công nhân viên	*2.103.531.963*	*1.856.496.963*
Phải trả khác	*1.302.593.842*	*1.633.298.759*
Cộng	**4.682.323.844**	**4.623.958.721**

21. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay dài hạn cá nhân	1.346.600.000	1.111.900.000
Cộng	**1.346.600.000**	**1.111.900.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B 09a - DN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU:

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2013	**62.826.020.000**	**29.335.312.000**	**20.603.424.946**	**(15.130.000)**		**89.249.865**	**4.961.609.536**	**14.716.328.679**	**132.516.815.026**
Tăng trong năm trước	-	-	**401.413.237**	-	**56.838.401**	-	**2.587.108.269**	**17.605.707.212**	**20.651.067.119**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	17.605.707.212	17.605.707.212
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	2.587.108.269	-	2.587.108.269
Tăng khác	-	-	401.413.237	-	56.838.401	-	-	-	458.251.638
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	**56.838.401**	-	**1.837.638.590**	**14.716.328.679**	**16.610.805.670**
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	14.716.328.679	14.716.328.679
Giảm khác	-	-	-	-	56.838.401	-	1.837.638.590	-	1.894.476.991
Tại ngày 31/12/2013	**62.826.020.000**	**29.335.312.000**	**21.004.838.183**	**(15.130.000)**	-	**89.249.865**	**5.711.079.215**	**17.605.707.212**	**136.557.076.475**
Tại ngày 0101/2014	**62.826.020.000**	**29.335.312.000**	**21.004.838.183**	**(15.130.000)**	-	**89.249.865**	**5.711.079.215**	**17.605.707.212**	**136.557.076.475**
Tăng trong kỳ	-	-	**2.752.828.923**	-	-	-	**880.285.360**	**11.024.167.645**	**14.657.281.928**
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	11.024.167.645	11.024.167.645
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.444.066.348	-	-	-	880.285.360	-	3.324.351.708
Tăng khác (*)	-	-	308.762.575	-	-	-	-	-	308.762.575
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	**308.762.575**	**17.605.707.212**	**17.914.469.787**
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	5.056.751.212	5.056.751.212
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	12.548.956.000	
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	308.762.575	-	308.762.575
Tại ngày 30/06/2014	**62.826.020.000**	**29.335.312.000**	**23.757.667.106**	**(15.130.000)**	-	**89.249.865**	**6.282.602.000**	**11.024.167.645**	**133.299.888.616**

(*)Theo Phương án phân phối lợi nhuận ngày 15/03/2014 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, phần lợi nhuận năm 2013 được phân phối vào Quỹ dự phòng tài chính số tiền 880.285.360 VND, tuy nhiên theo Điều lệ Công ty, Quỹ Dự phòng tài chính bằng 10% Vốn chủ sở hữu nên phần chênh lệch 308.762.575 VND Công ty hạch toán chuyển sang Vốn khác của chủ sở hữu cho phù hợp với Điều lệ Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2014		01/01/2014	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	2.114.860.000	2.114.860.000	2.114.860.000	2.114.860.000
Quỹ Đầu tư phát triển Hà Tây	3.352.670.000	3.352.670.000	3.352.670.000	3.352.670.000
Lê Văn Lớ	2.321.720.000	2.321.720.000	2.321.720.000	2.321.720.000
Ngô Văn Chinh	2.033.780.000	2.033.780.000	2.033.780.000	2.033.780.000
Nguyễn Văn Minh	1.133.200.000	1.133.200.000	1.133.200.000	1.133.200.000
Hoàng Trọng Nguyên	8.695.370.000	8.695.370.000	8.800.000.000	8.800.000.000
Hoàng Văn Tuế	2.288.990.000	2.288.990.000	2.288.990.000	2.288.990.000
Lê Việt Linh	5.117.000.000	5.117.000.000	5.117.000.000	5.117.000.000
Lê Xuân Thắng	4.456.150.000	4.456.150.000	4.456.150.000	4.456.150.000
Nguyễn Như Hoa	5.001.000.000	5.001.000.000	5.001.000.000	5.001.000.000
Nguyễn Thị Minh Hậu	3.050.000.000	3.050.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Các cổ đông khác	23.261.280.000	23.261.280.000	23.206.650.000	23.206.650.000
Cộng	**62.826.020.000**	**62.826.020.000**	**62.826.020.000**	**62.826.020.000**

GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA CỔ TỨC, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

VỐN	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày đầu kỳ	**62.826.020.000**	**62.826.020.000**
Tăng trong kỳ	-	-
Phát hành thêm cổ phiếu	-	-
Tăng từ thặng dư vốn	-	-
Chuyển từ trái phiếu thành cổ phiếu	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	**62.826.020.000**	**62.826.020.000**

CỔ TỨC	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Năm 2013 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:	12.548.956.000	12.548.956.000
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:	12.548.956.000	12.548.956.000

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

CỔ PHIẾU	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.282.602	6.282.602
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.282.602	6.282.602
Cổ phiếu phổ thông	*6.282.602*	*6.282.602*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.513	1.513
Cổ phiếu phổ thông	*1.513*	*1.513*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.281.089	6.281.089
Cổ phiếu phổ thông	*6.281.089*	*6.281.089*
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/ cổ phiếu)	10.000	10.000

LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đầu kỳ	17.605.707.212	14.716.328.679
Tăng trong kỳ	11.024.167.645	17.605.707.212
Lợi nhuận tăng trong kỳ	*11.024.167.645*	*17.605.707.212*
Phân phối lợi nhuận trong kỳ	17.605.707.212	14.716.328.679
Bổ sung vốn	*2.444.066.348*	*401.413.237*
Thưởng ban điều hành	*500.000.000*	-
Trích Quỹ dự phòng tài chính	*880.285.360*	*735.816.434*
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	*1.232.399.504*	*1.030.143.008*
Chia cổ tức	*12.548.956.000*	*12.548.956.000*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	**11.024.167.645**	**17.605.707.212**

23. DOANH THU

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**381.479.900.219**	**346.184.233.498**
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	381.479.900.219	346.184.233.498
Các khoản giảm trừ doanh thu	**1.569.594.533**	**589.616.184**
Giảm giá hàng bán	1.569.594.533	589.616.184
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**379.910.305.686**	**345.594.617.314**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	326.785.978.369	296.178.643.169
Cộng	**326.785.978.369**	**296.178.643.169**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	142.920.327	2.092.249.221
Cổ tức, lợi nhuận được chia	300.000.000	-
Chiết khấu thanh toán được hưởng	225.175.039	-
Lãi bán hàng chậm trả	937.200.235	-
Cộng	**1.605.295.601**	**2.092.249.221**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lãi tiền vay	4.029.731.531	5.084.173.710
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	24.285.309	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	317.782.881	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	213.879.334	-
Cộng	**4.585.679.055**	**5.084.173.710**

27. LỢI NHUẬN KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	280.000.000	65.454.546
Thu từ tiền cho thuê nhà	655.981.092	-
Các khoản khác	129.900	-
Thu nhập khác	**936.110.992**	**65.454.546**
Các khoản khác	179.215	-
Chi phí khác	**179.215**	**-**
Lợi nhuận khác	**935.931.777**	**65.454.546**

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	14.054.624.452	11.340.866.205
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	***1.116.163.337***	-
Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho	1.095.984.122	-
Các khoản khác	20.179.215	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	***300.000.000***	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	300.000.000	-
Lỗ năm trước chuyển sang (4)	-	-
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)-(4)	**14.870.787.789**	**11.340.866.205**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	22,00%	25,00%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (7)=(5)*(6)	3.271.573.314	2.835.216.551
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay (8)	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (9)=(7)+(8)	**3.271.573.314**	**2.835.216.551**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho phần lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	241.116.507	-
Cộng	**241.116.507**	-

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	11.024.167.645	8.505.649.654
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng (2a)	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm (2b)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3=1+2a-2b)	**11.024.167.645**	**8.505.649.654**
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	6.281.089	6.281.089
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	**1.755**	**1.354**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO) **MẪU SỐ B 09a - DN**

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 31 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	129.218.726.765
Chi phí nhân công	30.456.848.961
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.379.132.911
Chi phí dự phòng	509.474.156
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.057.691.369
Chi phí khác	5.613.042.479
Cộng	**178.234.916.641**

32. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan	Quan hệ	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Bán hàng			
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	Công ty con	14.825.926.929	17.562.814.189
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	Công ty liên kết	2.555.725.299	-
Mua hàng			
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	Công ty con	6.475.631.655	9.242.073.854

Số dư với các bên liên quan		30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản phải thu khách hàng			
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	Công ty con	386.646.554	1.832.659.829
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	Công ty liên kết	1.535.395.314	1.129.029.531
Các khoản phải thu khác			
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	Công ty con	300.000.000	-
Các khoản phải trả			
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	Công ty con	494.729.943	558.813.466

32. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư với các bên liên quan	Quan hệ	30/06/2014 VND	01/01/2014 VND
Các khoản vay			
Ông Lê Văn Lớ	Tổng Giám đốc	10.847.299.346	5.730.778.913
Ông Hoàng Văn Tuế	Kế toán trưởng	-	477.626.389
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng Giám đốc	474.543.200	424.543.200
Ông Đặng Đình Dự	Ban kiểm soát	400.000.000	100.000.000

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát	**Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND**
Lương	1.468.051.000
Thưởng	649.674.200
Cộng	**2.117.725.200**

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.14.

	Giá trị ghi sổ 30/06/2014 VND	Giá trị ghi sổ 01/01/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền	20.781.803.308	26.653.822.487
Phải thu khách hàng	54.151.287.946	50.941.236.122
Các khoản phải thu khác	1.837.956.946	490.574.098
Cộng	**76.771.048.200**	**78.085.632.707**
Nợ tài chính		
Vay và nợ	122.233.946.471	103.206.646.600
Phải trả người bán	35.575.051.694	32.755.357.155
Các khoản phải trả khác	4.682.323.844	4.623.958.721
Cộng	**162.491.322.009**	**140.585.962.476**

Công ty chưa đánh giá đầy đủ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư này yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Tổng Giám đốc nhận được.

- **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất của các khoản vay ngắn hạn:

+ Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng số 01/2014 - HĐTDHM/NHCT[320] - [HATAPHAR] ngày 15 tháng 06 năm 2014, lãi suất được ghi trên giấy nhận nợ, được điều chỉnh 1 tháng/lần.

+ Các khoản vay khác được cố định lãi suất tại thời điểm vay, do đó Công ty không chịu rủi ro lãi suất đối với các khoản vay này.

- **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

- **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 trở lên VND
Tại 30/06/2014		
Vay và nợ	120.887.346.471	1.346.600.000
Phải trả người bán	35.575.051.694	-
Các khoản phải trả khác	4.682.323.844	-
Cộng	**161.144.722.009**	**1.346.600.000**
Tại 01/01/2014		
Vay và nợ	102.094.746.600	1.111.900.000
Phải trả người bán	32.755.357.155	-
Các khoản phải trả khác	4.623.958.721	-
Cộng	**139.474.062.476**	**1.111.900.000**

34. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 đã được soát xét và báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Thành	Hoàng Văn Tuế	Lê Văn Lớ

M.S.D.N: 0500391400 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI